

NGÔN NGỮ LIÊN VĂN HÓA TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA HỒ CHÍ MINH*

◆ THS. HỒ THỊ PHƯƠNG TRANG

1. Về ngôn ngữ liên văn hóa.

Bước vào thời toàn cầu hóa thế giới đang đi theo hướng nghiên cứu liên văn hóa (intercultural) quan tâm đến những điểm tương đồng trên nền tảng của những khác biệt. Hướng đi này hứa hẹn nhiều triển vọng, nó không chỉ là nhận thức đời sống từ cái nhìn dân tộc, mà rộng rãi hơn, còn hướng đến những giá trị phổ quát, nhân loại, hay được gọi là mẫu số chung của văn hóa toàn cầu. Đối chiếu với lý thuyết này người ta thấy Bác Hồ là một trong những nhà văn hóa “liên văn hóa” tiêu biểu nhất của thế giới hiện đại. Ngày 05.10.2019, tại thành phố New York – Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, cuộc Hội thảo khoa học Quốc tế *Global Ho Chi Minh* (Hồ Chí Minh toàn cầu) được tổ chức cũng chủ yếu nhìn đối tượng nghiên cứu từ góc độ “liên văn hóa”. Họ đã tìm thấy ở Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh sự hội tụ tuyệt đẹp ba luồng văn hóa: văn hóa yêu nước Việt Nam, văn hóa hòa bình, bình đẳng, bác ái của nhân loại tiến bộ và văn hóa giải phóng con người của Chủ nghĩa Marx. Các chủ đề được chính các học giả Mỹ và Đại học Columbia đề xuất khi cùng đứng ra tổ chức hội thảo đều nhấn mạnh hình ảnh Hồ Chí Minh không chỉ là vị anh hùng giải phóng dân tộc, mà còn là cầu nối giữa Việt Nam với thế giới và nhân cách của Người còn mang tầm ảnh hưởng

toàn cầu. Điều này khẳng định sự tôn trọng của giới học giả thế giới đương đại với Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự đón nhận nồng nhiệt của nhân loại đối với tư tưởng và những giá trị văn hoá cao đẹp của Người. Hồ Chí Minh không chỉ là vĩ nhân của Việt Nam mà còn là vĩ nhân của thế giới. Tầm vóc của Người mang tầm nhân loại, đồng hành cùng nhân loại...

Liên văn hóa có trong một nền văn hóa được gọi là giao tiếp nội văn hoá (intracultural communication) tức quan hệ theo chiều dọc truyền thống/ hiện đại nhưng được hiểu chủ yếu theo nghĩa rộng là sự mở ra giao tiếp với các nền văn hóa khác. Trong một tác phẩm cụ thể, liên văn hóa biểu hiện ở việc học tập, kế thừa, phát triển và nâng cao văn hóa dân tộc; ở việc tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới để làm giàu có văn hóa nước nhà. Liên văn hóa trong tác phẩm nghệ thuật được thể hiện ở cả nội dung và hình thức biểu hiện, tập trung ở 3 phương diện: biểu tượng, nhân vật và ngôn ngữ. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tìm hiểu phương diện ngôn ngữ liên văn hóa trong tác phẩm của Hồ Chí Minh.

2. Hồ Chí Minh - một tiểu sử và thời cuộc liên văn hóa.

Tiếp xúc với nền văn hóa phương Đông từ lúc 5 tuổi khi theo cha vào Huế. Năm lên bảy tuổi cậu bé Côn (Nguyễn Sinh Cung) đã học thông sách *Luận ngữ*, rồi sớm học tiếng Pháp. Sau này, Nguyễn Tất Thành vào dạy

* Bài viết được hoàn thành với sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Thanh Tú.

học ở Phan Thiết, vào thăm cha ở Bình Khê, đến Sài Gòn... Được tiếp xúc với nhiều vùng/nền văn hóa khác nhau nên có lẽ vì thế mà tinh thần “liên văn hóa” ở Hồ Chí Minh đã hình thành từ rất sớm. Hành trình 30 năm tìm đường cứu nước – kể từ ngày 5.6.1911, Hồ Chí Minh đã đi 54 nước, làm 12 nghề khác nhau, thông thạo ít nhất 12 ngoại ngữ. Từ góc nhìn “liên văn hóa” hiện đại cho thấy Nguyễn Ái Quốc là sự hội tụ tuyệt đẹp ba luồng văn hóa: văn hóa yêu nước Việt Nam; văn hóa hòa bình, bình đẳng, bác ái của nhân loại tiến bộ - đặc biệt là ở các nước Pháp (châu Âu) và Mỹ (châu Mĩ-Latinh) và văn hóa giải phóng con người của Chủ nghĩa Marx-Lenin.

Sinh thời, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định về Bác Hồ: “Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa”¹. Chỉ là một cá nhân nhưng suy nghĩ, việc làm của Bác mang tầm thời đại, tầm đất nước, dân tộc. Bác thay mặt những người An Nam bị áp bức đối thoại với chủ nghĩa thực dân để đòi quyền sống cho dân tộc và cho những người bị áp bức trên thế giới. Bác kêu gọi cả nhân loại đau khổ thức tỉnh. Bác kêu gọi cả Quốc tế thứ Ba hành động vì các dân tộc thuộc địa. Xét đến cùng mục đích đi tìm đường cứu nước: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi” cũng là một tinh thần “liên văn hóa”.

Trong khoảng thời gian từ 1917 đến 1940, lý tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc-Hồ

Chí Minh được hiện thực hóa qua ba cuộc đối thoại: đối thoại với chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến; với đồng bào An Nam và nhân dân các nước thuộc địa và đối thoại với các đồng chí của mình. Mục đích, nội dung các cuộc đối thoại cũng rất rõ ràng, chính nghĩa, công lý, nhân tính... Tất cả đều hướng đến con người và vì con người. Lên án, tố cáo, vạch trần tội ác để “thức tỉnh” lương tri những kẻ gây tội ác, kêu gọi chúng dừng lại chính là nhằm giảm thiểu của tội ác. Thức tỉnh nô lệ để kêu gọi con người ý thức được nhân tính để đòi trả lại nhân tính. Muốn vậy, trước hết phải đòi chủ nghĩa thực dân đế quốc trả lại môi trường có nhân tính. Chia sẻ, động viên, kêu gọi (đồng chí), xét đến cùng là nhận chân kẻ thù chung và cùng nhau giải phóng con người.

Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đáp ứng đầy đủ nhất các yếu tố cơ sở của đối thoại văn hóa để Người trở thành con người của đối thoại văn hóa. Chính Người đã khiêm tốn khẳng định: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Marx có ưu điểm là phương pháp biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê-su, Marx, Tôn Dật Tiên đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội... Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”². Cuộc đời hoạt động và trước tác của Bác đã chứng minh Bác học tập, kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo những tinh hoa tư tưởng của các bậc thầy vào điều kiện hoàn cảnh cách mạng Việt Nam – “những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử,

và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lenin". Đó chính là một biểu hiện của một hiện tượng "liên văn hóa" sinh động nhất, sâu sắc nhất.

Nhân cách Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh được hình thành trên nền móng vững chắc của tình yêu thương, của trí tuệ và tầm hiểu biết sâu rộng nhờ sự thông thạo ngoại ngữ. Có lẽ vì thế, ở Người hội tụ đầy đủ nhất các yếu tố cơ sở để trở thành con người của đối thoại văn hóa. Không phải ngẫu nhiên mà ngay sau ngày nước Việt Nam mới ra đời, Bác đã kiêm nhiệm và hoàn thành cực kỳ tốt đẹp vai trò Bộ trưởng Ngoại giao. Người đã trở thành hiện thân cũng là hình mẫu của ngoại giao văn hóa. Thế giới hôm nay đồng thanh khẳng định Hồ Chí Minh đi trước thời đại, là người đặt nền móng cũng là tấm gương của đối thoại văn hóa với quan điểm "làm bạn với tất cả các nước dân chủ" và không "gây thù chuốc oán" với một ai. "Vĩnh viễn không bao giờ xâm lược nước khác" và cũng "vĩnh viễn không để nước khác xâm lược". Lịch sử Việt Nam và thế giới hiện đại đã chứng minh và khẳng định tư tưởng vàng về đối ngoại của Hồ Chí Minh không chỉ là tài sản văn hóa của dân tộc mà còn là tài sản tinh thần của toàn nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu hiện tuyệt vời của sự kết hợp văn hoá phương Đông và văn hoá phương Tây. Văn hoá phương Đông đã thấm vào tâm hồn cậu bé Nguyễn Sinh Cung từ tuổi ấu thơ, vì cậu may mắn được sinh ra trong một gia đình Nho học, khoa bảng, nền nếp. Lớn lên rồi bước vào cuộc đời hoạt động đầy huyền thoại, Người càng ra sức tích lũy, học tập, coi vốn tri thức là một phương thức, phương tiện làm nhiệm vụ cách mạng.

Không chỉ thông thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài, Người còn nói giỏi và am hiểu phong tục của nhiều dân tộc thiểu số Việt Nam, thường nói chuyện với bà con để hoà đồng như là một thành viên trong gia đình.

3. Hồ Chí Minh và ngôn ngữ liên văn hóa văn học dân gian Trung Hoa.

Ngày 15.7.1950, theo Chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, Đội thanh niên xung phong công tác trung ương đầu tiên được thành lập. Tháng 9.1950, trong một lần đến thăm Liên phân đội thanh niên xung phong 321, Bác Hồ đã tặng mấy câu thơ:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên".

Câu chuyện Ngu Công dời núi, khi có người hỏi một mình ông thì làm sao xong việc, ông trả lời, dời tôi chưa xong thì dời con tôi, dời con tôi chưa xong thì đến dời cháu tôi... được dân gian coi đây là bài học về sự quyết chí và kiên trì. Bài thơ của Bác Hồ có mối liên hệ với ý nghĩa câu chuyện trên. Có thể coi bài thơ là sự so sánh gián tiếp, một sự "khích tướng"? Sở dĩ chúng ta đặt vấn đề như vậy là vì căn cứ vào hoàn cảnh bài thơ: Liên phân đội thanh niên xung phong 321 đang nhận trọng trách bảo vệ cầu Nà Cù (thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn) nằm trên tuyến đường huyết mạch từ thị xã Bắc Cạn đi Cao Bằng, họ phải đào núi làm đường, vá đường, khắc phục sự phá hoại do máy bay địch ném bom và lũ cuốn.

Hai câu đầu của bài thơ lại cũng có nguồn gốc từ một tục ngữ Trung Quốc. Trong cuốn *Cần kiệm liêm chính* được viết xong khoảng tháng 6.1949, trong mục *Cần*, Bác Hồ đã nhắc tới câu tục ngữ này:

“Người Tàu có câu: không có việc gì khó. Chỉ e ta không siêng.

Tục ngữ ta có câu: Nước chảy mãi đá cũng mòn. Kiến tha lâu cũng đầy tổ”³.

Trong cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, tác giả Trần Dân Tiên có dẫn một châm ngôn Trung Quốc: “Một câu châm ngôn Trung Quốc nói: “Một nhà họa sĩ vẽ giỏi không bao giờ vẽ nguyên cả một con rồng mà vẽ con rồng khi ẩn khi hiện giữa những đám mây”.

Chúng tôi không phải là những họa sĩ có tài. Chúng tôi không vẽ những đám mây trong tiểu sử của Hồ Chủ tịch, nhưng đến đây thì chúng tôi phải thú thật rằng đã mất mỗi câu chuyện”⁴.

Thực tế thì cả cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* cũng được viết theo nguyên tắc vẽ rồng “khi ẩn khi hiện giữa những đám mây”, nghĩa là tái hiện lại cuộc đời hoạt động của Bác nhưng để hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, tác giả thỉnh thoảng lại để cho nhân vật “biệt tích”, “mất mỗi câu chuyện”. Như vậy câu châm ngôn thâm thúy kia không chỉ dành cho hội họa mà còn là nguyên tắc miêu tả của văn chương.

Trong *Bài nói chuyện tại Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam* (khoá III), Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng lấy hai câu tục ngữ làm điểm tựa cho ý kiến “phát triển nông nghiệp là việc cực kỳ quan trọng”: “Việt Nam ta có câu tục ngữ: “Có thực mới vực được đạo”. Trung Quốc cũng có câu tục ngữ “Dân dĩ thực vi thiên””⁵.

Do hai nước có nhiều nét tương đồng về văn hoá, địa lý nên tác giả lấy hai câu tục ngữ có ý nghĩa giống nhau làm cho “điểm tựa” của luận cứ mình đưa ra toàn diện hơn,

nét chân lý phổ quát rộng rãi hơn và sức thuyết phục sẽ cao hơn.

Với bút danh C.B, trên báo *Nhân dân* số 188 ngày 25, 27.5.1954, Bác Hồ viết bài báo *Tuyên truyền* để giáo dục bản lĩnh cán bộ, nhân dân trước mọi dư luận và nhất là cảnh giác trước mưu đồ “tuyên truyền” của kẻ thù. Tác giả mở đầu bằng một câu chuyện ngụ ngôn Trung Quốc: “Anh Tăng, học trò cụ Khổng, là một người rất đạo đức, được mọi người kính yêu. Một hôm, Tăng đi đốn củi, quá trưa mà chưa về. Một người bà con đến nói với mẹ Tăng: “Nghe nói Tăng vừa phạm tội giết người...”.

Mẹ Tăng yên lặng nói: “Chắc là họ đồn nhảm. Con tôi hiền lành lắm, chắc nó không bao giờ giết người”.

Lát sau, một người khác lại nói: “Nghe nói Tăng bị bắt rồi...”.

Bà cụ Tăng bắt đầu lo sợ, nhưng vẫn bình tĩnh.

Vài phút sau, một người khác lại nói: “Nghe nói Tăng bị giải lên huyện rồi...”.

Bà cụ Tăng vút cả công việc và chạy cuống cuồng.

Không ai hiền lành bằng anh Tăng. Không ai tin tưởng anh Tăng bằng mẹ anh. Thế mà vì người đồn qua, kẻ đồn lại, dù không đúng sự thật, mẹ Tăng cũng đâm ra lo ngại, hoang mang”⁶.

Tác giả bình luận một câu làm nổi bật chủ đề của ngụ ngôn: “Ảnh hưởng tuyên truyền là như thế”. Câu chuyện ngụ ngôn này bản thân nó đã nói về sự tác động của dư luận, nhất là với những người hay dao động hoang mang. Tác giả có những nhận xét mang tính quy luật: không ai hiểu con bằng mẹ. Mẹ anh Tăng tin con với bản chất hiền lành sẽ không phạm tội. Nhưng vì có

nhều lời nói “khẳng định” nên bà lo lắng là rất đúng với quy luật tiếp nhận thông thường. Trên cơ sở ấy mà hôm nay có thể rút ra bài học về sự ảnh hưởng của “tuyên truyền”. Với lối dẫn dắt vấn đề này, tác giả gửi tới người đọc một thông điệp - bài học chung quý giá: người cách mạng phải luôn biết học tập, kế thừa, vận dụng văn hoá truyền thống (nước nhà và thế giới) vào thực tiễn đời sống!

Có một vốn hiểu biết sâu sắc tinh tế về văn hóa Trung Hoa, Bác Hồ tận dụng ngay ưu thế này có khi là kể lại những câu chuyện cổ, có khi nêu những tấm gương để giáo dục cán bộ nhân dân về đạo đức cách mạng. Đây là một bài học trong việc kế thừa những nét đạo lý truyền thống để giáo dục nhân cách con người hiện đại: “Muốn giáo dục nhân dân, làm cho mọi người đều tốt cả thì cán bộ, đảng viên phải tự giáo dục và rèn luyện hàng ngày. Người xưa còn biết tu thân, mỗi buổi tối kiểm điểm mình và dùng hai cái lọ đồ đen, đồ trắng để ghi việc tốt việc xấu”⁷.

Bài học tu thân này đã thật quen thuộc với người Việt: có người tự rèn mình bằng cách vào mỗi tối nghĩ lại trong ngày mình đã làm được việc gì tốt thì bỏ hạt đồ trắng vào một lọ, việc gì chưa tốt thì bỏ hạt đồ đen vào lọ kia. Cứ ngày nọ sang ngày kia cố gắng sao cho lọ có hạt đồ trắng đầy lên. Có lẽ thành ngữ Hán Việt “tu nhân tích đức” có xuất xứ từ câu chuyện này (!?). Câu chuyện cổ thật thích hợp với yêu cầu “cán bộ, đảng viên phải tự giáo dục và rèn luyện hàng ngày”.

Bác Hồ nói chuyện về hội họa thật thấm thía: “Vẽ rất quan trọng, Bác gần tám mươi tuổi rồi mà Bác còn nhớ hình ảnh ông Từ Lộ đội gao nuôi mẹ trong sách giáo khoa ngày xưa. Nhân dân ta rất thích tranh vẽ nhưng

có những bức vẽ không ai hiểu gì cả. Hình như mấy chú vẽ cho mình xem chứ không phải vẽ cho quần chúng...”⁸.

Một tâm sự chân thành, tưởng chừng rất ngẫu nhiên nhưng lại là câu chuyện giáo dục bằng nghệ thuật. Vì là sự kết tinh từ đời sống nên nghệ thuật dễ được tiếp nhận ở mọi lứa tuổi. Nó vừa là sự giải trí, vừa tác động vào thị hiếu thẩm mỹ, nhất là hội họa. Vì thế mà “nhân dân ta rất thích tranh vẽ” và “vẽ rất quan trọng” trong việc tuyên truyền giáo dục. Gợi ý về nội dung của hội họa được Bác gửi gắm khéo léo thông qua câu chuyện về ấn tượng đối với bức tranh Từ Lộ đội gao nuôi mẹ: nghệ thuật nên hướng tới sự giáo dục đạo lý – đạo làm con; đạo của công dân với đất nước... Bác còn đưa ra cách vẽ, làm sao để những bức vẽ phải chân thực, giản dị, dễ hiểu, phù hợp với trình độ thường thức của người xem.

Làm việc với Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng (tháng 6.1968) về việc xuất bản loại sách *Người tốt việc tốt* Bác Hồ nhắc nhở: “Chú có biết người xưa đã có những cách giáo dục sâu sắc như thế nào không? Chú còn nhớ những chuyện Nhị thập tứ hiếu không?”

Bác gần tám mươi tuổi mà vẫn còn nhớ chuyện ông Lão Lai, vợ chồng Quách Cự, chú bé Hán Lục Tích... hiểu thảo với cha mẹ như thế nào...”⁹.

Không chỉ là bài học về việc “Học tập cách giáo dục của ông cha ta” phải gắn với hoàn cảnh mới, thời đại mới mà còn là bài học về chữ “hiếu” ngày xưa là “chỉ có hiếu với bố mẹ”, còn ngày nay chữ “hiếu”, ngoài nghĩa gốc phải mở rộng thành “trung với nước, hiếu với dân”.

Mượn truyện *Tây du ký* nổi tiếng của Trung Quốc, đến thăm lớp Chính Đảng

Trung ương khoá 1 năm 1952 tại Việt Bắc, Bác nói: “Từ khi loài người có đầu óc tư hữu thì sinh ra nhiều thói hư tật xấu. Đường Tăng là một vị chân tu, bản chất tốt, có lòng nhân hậu, có tính khoan dung. Ông ta muốn chống áp bức nhưng không có đường lối cách mạng dẫn đường. Tin vào sức mạnh cảm hoá của đạo Phật nên ông tình nguyện đi lấy Kinh Phật để truyền bá. Sau 14 năm trời, tức là qua 5048 ngày đêm, thầy trò Đường Tăng vượt 18 vạn 8 ngàn dặm đường, chịu đựng 81 tai ương để lấy được 55 bộ kinh gồm 5048 quyển. Đó là pho truyện dài, đấu tranh giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi nghĩa. Còn có thể tìm thấy ở *Tây du ký* nhiều vấn đề bổ ích nữa. Đường Tăng là một người có lập trường kiên định, có bản lĩnh, tạo được cái “bất biến” để đối phó với cái “vạn biến”.

Còn Tôn Ngộ Không vì không tu hành đạo được nên vẫn còn cái đuôi. Khi Tôn Ngộ Không biến thành cái đỉnh thì cái đuôi ở sau phải hoá phép làm cái cột cờ. Bọn ma vương thấy lạ, tại sao cột cờ ở phía sau đỉnh, phát hiện ra cái đuôi của Tề Thiên Đại thánh nên không bị mắc lừa, không vào đỉnh nữa, nên mưu của họ Tôn bị thất bại”. Bác nói tiếp: “Người cách mạng chúng ta nếu không tu dưỡng thì cũng có phen có cái đuôi ấy, dù nhỏ sẽ có ngày gây hậu quả khôn lường”¹⁰.

Ví dụ này tiêu biểu cho liên văn hóa không gian Trung Quốc-Việt Nam, liên văn hóa thời gian quá khứ (câu chuyện cổ xưa)-hiện tại (ở lớp học Chính huấn). Lấy xưa nói nay, lấy chuyện trong quá khứ để giáo dục thời hiện tại thì ở đâu cũng có, nhưng với Bác Hồ vẫn có một nét khác biệt: biến câu chuyện cổ thành một câu chuyện về cách mạng. Thế nên các thuật ngữ/ các cụm từ như “chống áp bức”, “đường lối cách

mạng dẫn đường”, “lập trường kiên định”, “bản lĩnh” được dùng rất tự nhiên và rất phù hợp.

4. Ngôn ngữ liên văn hóa Ấn Độ và Đông Nam Á.

Ngôn ngữ liên văn hóa Ấn Độ trong văn hóa Hồ Chí Minh sâu đậm nhất là ngôn ngữ văn hóa Phật giáo. Tháng 4.1940 với bí danh “ông Trần”, Nguyễn Ái Quốc tham gia lễ cầu hồn cho hai chục Việt kiều ở Bích Sắc Trại bị bom Nhật giết hại. “Ông Trần” đã ứng khẩu đọc bài sớ:

“Nam mô Phật tổ Như Lai

Chúng sinh nheo nhóc dưới trời Tây phương

Trăm tầng áp bức thảm thương...

Hồn ơi, hồn có linh thiêng

Hãy cùng người sống báo đền nước non...”¹¹.

Bài sớ trên ít nhất có sự giao thoa của hai lớp ngôn từ - lớp ngôn từ Phật giáo (Nam mô Phật tổ Như Lai; chúng sinh; Tây phương) và lớp ngôn từ tín ngưỡng bản địa (hồn; linh thiêng; báo đền). Bài sớ được đặt trong “hoàn cảnh” của Lễ cầu hồn trong tín ngưỡng Việt, thường là có ngôn từ Phật giáo và ngôn từ văn hóa cầu cúng bản địa, có nơi pha trộn thêm ngôn từ Đạo giáo (đạo thần tiên) nên bản thân nó cũng là một liên văn hóa. Chính vì lẽ đó, người nghe cảm nhận được ở bài sớ cả nỗi đau và cả lời kêu gọi thức tỉnh. Nỗi đau dành cho người đã chết, sự thức tỉnh hướng tới người đang sống. Đó còn là cách ứng xử của Hồ Chí Minh với đồng bào phật tử theo một cách rất riêng, cách của nhà Phật.

Ngày 08.01.1957, nhân dịp lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh có *Thư gửi các vị tăng ni và đồng bào tín đồ*

Phật giáo thể hiện lòng quan tâm của Đảng và Chính phủ và thể hiện mong muốn đồng bào đoàn kết, phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc cũng là để bảo vệ hoà bình cho đất nước:

“Các vị tăng ni và các vị tín đồ thân mến,

Nhân dịp lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, tôi thân ái gửi đến các vị tăng ni và đồng bào tín đồ lời chào đại hoà hợp.

Tôi có lời khen ngợi các vị tăng ni và tín đồ đã sẵn lòng nòng nài yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là Phật tử...

Trong dịp này tôi mong các vị tăng ni và đồng bào tín đồ đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn để góp phần xây dựng hoà bình chóng thắng lợi...

Cuối cùng tôi chúc các vị luôn luôn mạnh khỏe, tinh tiến tu hành, phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc, bảo vệ hoà bình”¹².

Văn bản có thể coi là sự phối hợp hai phong cách ngôn ngữ - ngôn từ của Phật giáo và ngôn ngữ toàn dân. Có những từ khó hiểu đối với ngôn ngữ toàn dân (như “tinh tiến tu hành”...) nhưng lại thân thuộc với ngôn ngữ Phật giáo vẫn được tác giả sử dụng. Căn cứ vào đối tượng tiếp nhận thì đây lại là sự cần thiết, nếu thay bằng một cụm từ của ngôn ngữ toàn dân có nghĩa tương đương thì màu sắc nhà Phật sẽ bị giảm, người đọc sẽ không tìm thấy con người họ ở trong đó, hiển nhiên tính thuyết phục sẽ giảm.

Bác Hồ còn dùng phong cách ngôn ngữ liên văn hóa trong bối cảnh Đông Nam Á để kêu gọi, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc.

Với quan niệm đại gia đình các dân tộc Việt Nam như là anh em một nhà, Bác Hồ nhiều lần gửi thư thăm hỏi đồng bào tới

đồng bào các dân tộc. Ngày 19.4.1946, Người có *Thư gửi đại hội các dân tộc thiểu số Miền Nam tại Plây Cu*, có đoạn: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau...”

Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta”¹³.

Ông Trần Việt Hoàn nguyên Giám đốc Khu di tích lịch sử Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch còn giữ bút tích của Bác Hồ trong một lần Người về thăm Cao Bằng: “Chúc đồng bào pi mư đay lai” (có nghĩa là: Chúc đồng bào năm mới nhiều tốt đẹp) và kèm theo mấy dòng tiếng phổ thông: “Cao Bằng phải cao bằng những tỉnh tốt nhất, tốt nhất là Cao Bằng vượt mức cao không ai bằng”¹⁴. Ngoài lối chơi chữ (địa danh Cao Bằng và “cao bằng” với ý nghĩa so sánh), đáng lưu ý, trong lời văn, Người vẫn dùng hai chữ “đồng bào” theo chữ viết tiếng Việt vì nó đã phổ thông quen thuộc với bà con, nghĩa của nó lại chứa đựng ý nghĩa về tinh thần đoàn kết keo sơn của các dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam.

5. Ngôn ngữ liên văn hóa phương Tây.

Ngày 08.6.1946, trên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, Bác Hồ nói với tướng R.Xalăng: “Tôi vừa mới quay lưng đi,

người ta đã nặn ra cái chính phủ Nam Kỳ... Thật là một âm mưu phi pháp. Tướng quân này, các ông đừng biến Nam Bộ thành một thứ Andát Loren mới, nếu không chúng ta sẽ đi tới cuộc chiến tranh trăm năm đấy"¹⁵. Chỉ một mệnh đề "Nam Bộ thành một thứ Andát Loren mới" cũng đủ chứng minh một tầm hiểu biết sâu sắc lịch sử nước Pháp (Andát Loren vốn là một vùng đất của Pháp bị chia cắt sau chiến tranh Pháp - Phổ năm 1871, mãi đến năm 1919 Andát Loren mới hợp nhất về Pháp), một liên tưởng thâm thúy cũng là một cách nhắc nhở tinh tế viên tướng Pháp: người Pháp đã từng chịu đau khổ khi để người Đức xâm chiếm đất đai tổ tiên mình, bây giờ hà cớ gì lại đi cướp đất của nước khác (!?). Đó còn là một niềm tin thuộc về lẽ phải: cũng như vùng đất Andát Loren từng bị cướp nhưng rồi lại thống nhất về Tổ quốc mình, Nam Bộ của Việt Nam rồi cũng sẽ như thế!

Hàm ý này được hình thành trên cơ sở ngôn ngữ liên văn hóa lịch sử Pháp và Việt Nam. Và chính nó là một đòn "gậy ông đập lưng ông"!

Pháp thua ở Điện Biên Phủ, Mĩ liền thế chân. Thực ra Mĩ đã có âm mưu chiếm Miền Nam từ trước đó. Ngay việc giúp Pháp tái chiếm Đông Dương cũng nằm trong "Chiến tranh ngăn chặn" của Mĩ. Từ năm 1971, một phần của cuốn sách nổi tiếng sau này được in là *Secrets: A Memoir of Vietnam and the Pentagon Papers* (Tài liệu mật: Hồi ký về cuộc chiến tranh Việt Nam và vụ tiết lộ Hồ sơ Lầu Năm Góc) của tác giả Daniel Ellsberg công bố cho biết tài liệu số NSC51 ngày 01.7.1949 của Hội đồng An ninh Quốc gia Mĩ nhận định: "Đông Nam Á có tầm quan trọng về chiến lược...". Ngày 30.12.1949, Tổng thống Mĩ Tru-man khẳng định: "Đông Dương

nằm trong khu vực bất khả xâm phạm của chiến lược Mĩ"; "Mĩ muốn ở Việt Nam và Đông Dương có các nhà nước chống cộng, thân Mĩ". Ngày 01.11.1955, Mĩ chính thức tham chiến, đánh dấu bằng việc thành lập "Nhóm chuyên gia hỗ trợ quân sự Mĩ" (U.S. Military Assistance Advisory Group - MAAG) tại Việt Nam. Về thực chất thì chính sách của chủ nghĩa thực dân gần như đồng nhất với chủ nghĩa đế quốc mà đứng đầu là đế quốc Mĩ, vẫn áp bức, bóc lột, chém giết, thậm chí còn tàn độc hơn thực dân Pháp. Bác Hồ có một khái quát về đế quốc Mĩ qua cách đối sánh với các tôn chỉ của các tôn giáo:

"Chúa Giê-su dạy: Đạo đức là bác ái.

Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi.

Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa.

Còn đế quốc Mĩ thì: Đạo đức là giết người"¹⁶.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới đồng bào công giáo. Có thể lý giải điều này từ quan niệm của Bác về đoàn kết, tình thương nhân dân và tình hình công giáo nước ta trong những năm kháng chiến kiến quốc: Đồng bào giáo dân vì dễ bị kẻ thù lợi dụng nên Bác Hồ càng phải giúp họ hiểu về đường lối kháng chiến để giành độc lập tự do cho tất cả mọi người, làm rõ cho họ hiểu tinh thần nhân ái, đoàn kết của người Việt...?!

Nhân dịp lễ Noel 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thư gửi đồng bào công giáo, lá thư có đoạn: "Ngày lễ Nô-en lần thứ hai đến trong hoàn cảnh hòa bình. Miền Bắc của ta đã hoàn toàn giải phóng. Nhân dân ta ở Miền Bắc được vui sống tự do, làm ăn yên ổn, đồng bào công giáo thì được tự do thờ Chúa, không còn bị địch đóng chiếm

nhà thờ, tàn sát dân lành, gây ra bao nhiêu khổ nhục.

Tiếng chuông nhà thờ năm nay mừng sinh nhật Chúa là tiếng chuông hòa bình, tự do, hạnh phúc trong lòng của mọi đồng bào công giáo ở Miền Bắc ta"¹⁷.

Những câu văn được cấu trúc đều đặn, ngắt mệnh đề đều đặn tạo âm hưởng êm đềm như tiếng chuông nhà thờ ngân nga của cảnh hòa bình. Nhân dịp Lễ Thiên chúa giáng sinh 1956, Hồ Chí Minh cũng có thư gửi các hàng giáo sĩ và đồng bào công giáo: "Từ nay, với sự cố gắng của đồng bào, sản xuất sẽ ngày càng phát triển, phần xác ta được ấm no thì phần hồn cũng được yên vui, việc đấu tranh giành thống nhất Tổ quốc, giữ gìn hòa bình càng chóng thắng lợi như bài hát: "Sáng danh Thiên Chúa trên các tầng giời, hòa bình cho mọi người lành dưới thế".

Nhân dịp lễ sinh nhật này, tôi mong các hàng giáo sĩ và đồng bào, đã đoàn kết nay càng đoàn kết hơn, đoàn kết giữa nhân dân và cán bộ, giữa đồng bào giáo và đồng bào lương để sửa chữa những sai lầm trong cải cách ruộng đất được tốt, thực hiện củng cố Miền Bắc thắng lợi, do đó mà mau thống nhất nước nhà, cho Bắc Nam sum họp như lời cầu nguyện của Chúa Kirixitô: "Nguyện cho hết thảy đồng bào hoàn toàn hợp nhất với nhau"¹⁸.

Những lá thư của Người gửi cho đồng bào công giáo có một đặc điểm chung là âm hưởng đều đặn, câu thường dài, giọng điệu thường ngân nga, giống như giọng một vị đức cha giảng Kinh thánh. Sự vĩ đại, trí tuệ, tâm hồn của Hồ Chí Minh thể hiện ngay ở cách viết câu văn!

Bài học của mọi bài học trong việc thu phục nhân tâm của Bác Hồ là tình yêu

thương và sự chân thành. Hãy yêu thương đến hết mình, hãy chân thành tận đáy lòng thì tình người sẽ đến với tình người, niềm tin sẽ đến với niềm tin.

Ngày 25.7.1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh có *Thư gửi nhân dân Pháp sau cuộc hội kiến với Pôn Muýt, đại diện Cao uỷ Pháp Bôlae*. Bức thư có đoạn: "Bọn quân phiệt thực dân đã bắt buộc chúng tôi phải tiếp tục chiến đấu, chúng tôi sẽ chiến đấu đến cùng, chúng tôi lấy câu châm ngôn hiên ngang của các bạn làm châm ngôn của chúng tôi:

"Thà chết không làm nô lệ".

Chúng tôi chiến đấu vì công lý. Chúng tôi sẽ tồn tại; chúng tôi sẽ chiến thắng"¹⁹.

Lá thư gửi nhân dân Pháp, mục đích là để cho nhân dân Pháp hiểu tình hình, hiểu người Việt Nam không muốn đổ máu, nhưng vì lòng tự trọng nên người Việt quyết không chịu hèn mất nước. Như người Pháp đã nói thế, "chúng tôi" sẽ làm theo câu nói ấy, hãy ủng hộ "chúng tôi". Thông điệp ấy được hình thành trên cơ sở ngôn ngữ liên văn hóa - câu châm ngôn Pháp nổi tiếng trên thế giới được sử dụng thật đúng với hoàn cảnh Việt Nam.

Cũng với tinh thần ấy, nhân kỷ niệm ba năm ngày toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh có *Điện gửi nhân dân Pháp nhân ngày 19.12.1948*: "Dân tộc chúng tôi đã anh dũng chiến đấu. Dân tộc chúng tôi đã chiến đấu "không chút sòn lòng, không điều ân hận", vì chúng tôi chiến đấu cho tự do, cho độc lập, và đối với nhân dân Pháp chúng tôi không thù hằn gì. Chúng tôi đã tỏ rằng chân lý, công lý, lịch sử và tương lai ở về phe chúng tôi. Chúng tôi sẽ thắng!"²⁰.

Câu chuyện nổi tiếng về hiệp sĩ Bayard trong văn học dân gian Pháp có tinh thần trượng nghĩa, luôn cứu giúp người nghèo, chống lại kẻ giàu có tàn ác. Hiệp sĩ có câu châm ngôn nổi tiếng trở thành biểu tượng cho hành động nghĩa hiệp: “không chút sòn lòng, không điều ân hận”. Một lần nữa, ngôn ngữ liên văn hóa đã tạo ẩn ý cho bức thư: nếu hiệp sĩ Bayard ngày xưa chiến đấu vì chân lý, công lý, thì chúng tôi nay cũng vậy, chúng tôi phải chiến đấu cho tự do, cho độc lập nên quyết tâm của chúng tôi và hiệp sĩ của nhân dân Pháp là giống nhau. Hãy coi chúng tôi như là những hiệp sĩ Bayard của nước Pháp đang chiến đấu vì lý tưởng, vì “chân lý, công lý”.

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, mỗi nhà văn là một sứ giả văn hóa. Từ điểm nhìn ngôn ngữ liên văn hóa để “soi chiếu” tác phẩm của Hồ Chí Minh, người đọc không khỏi ngỡ ngàng khi nhận ra một điều: Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã là một sứ giả văn hóa từ đầu thế kỷ XX bởi tầm tư tưởng của Người đã đi trước thời đại. ■

Tài liệu tham khảo chính:

1. Đinh Gia Khánh (1993), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*. NXB. Khoa học xã hội.
2. Phan Ngọc, Phạm Đức Dương (1983), *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*. Viện Đông Nam Á.
3. J. Brecher (1993), *Global visions beyond the new world order*. Boston.
4. E.T. Hall (1959), *The silent language*, New York: Doubleday.

Chú thích:

¹ Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia- Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam (1995), *Chủ tịch Hồ Chí Minh-Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.21.

² Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1996), *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng*, NXB. Khoa học xã hội, tr. 152.

³ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6. NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 118.

⁴ Sđd, NXB. Văn học, 1970, tr 51.

⁵ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 13, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 375.

⁶ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 8, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 490.

⁷ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 671.

⁸ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 666.

⁹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 673.

¹⁰ Nhiều tác giả (2006), *Bác Hồ - con người và phong cách*, NXB. Thanh niên, tr 4, 5.

¹¹ *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 2. NXB. Chính trị Quốc gia 2006, tr 101.

¹² *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 10, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 473.

¹³ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 217.

¹⁴ Hoàng Quảng Uyên: “Nhớ lời dạy của Bác về Cao Bằng”, *Báo Công an nhân dân*, số 2140, ngày 6.6.2011.

¹⁵ *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 3. NXB Chính trị Quốc gia, tr 243.

¹⁶ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 95.

¹⁷ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 10, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 226.

¹⁸ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 10, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 462.

¹⁹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr.155.

²⁰ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, NXB. Chính trị Quốc gia, 2011, tr 655.